



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Bến Tre

Số 09

Ngày 08 tháng 5 năm 2020

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- | | | |
|------------|--|----|
| 23-04-2020 | Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND về việc giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp do cấp tỉnh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh. | 3 |
| 23-04-2020 | Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND về việc sửa đổi Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre. | 5 |
| 23-04-2020 | Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Bến Tre giai đoạn 2018-2020. | 7 |
| 23-04-2020 | Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh. | 11 |

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- 29-04-2020 Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND về việc quy định mức chi hỗ trợ cho cán bộ xã, phường, thị trấn theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre. 14
- 29-04-2020 Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức hoạt động của Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. 16
- 06-05-2020 Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. 19

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- 23-04-2020 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND về việc thông qua đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng Công viên trung tâm thành phố Bến Tre. 21
- 23-04-2020 Nghị quyết số 03/NQ-HĐND về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2020. 23
- 23-04-2020 Nghị quyết số 04/NQ-HĐND về việc bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2020. 29
- 23-04-2020 Nghị quyết số 05/NQ-HĐND về việc thông qua Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020 - 2024. 33
- 23-04-2020 Nghị quyết số 06/NQ-HĐND về phân bổ dự toán chi tiết vốn ngoài nước do Trung ương bổ sung có mục tiêu (kinh phí sự nghiệp) năm 2020. 35
- 23-04-2020 Nghị quyết số 07/NQ-HĐND về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, nhiệm kỳ 2016 - 2021. 37
- 23-04-2020 Nghị quyết số 08/NQ-HĐND về việc xác nhận kết quả bầu Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021. 38

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2020/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 23 tháng 4 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về việc giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp do cấp tỉnh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Xét Tờ trình số 1161/TTr-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp do cấp tỉnh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất giao thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp do cấp tỉnh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh. Dự án đầu tư phải phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, khả năng tài chính và đặc điểm cụ thể của địa phương.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, tháo gỡ để đảm bảo tiến độ, chất lượng các dự án.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2020./.

CHỦ TỌA KỲ HỌP

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Huỳnh Quang Triệu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2020/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 23 tháng 4 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Xét Tờ trình số 1361/TTr-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre như sau:

1. Khoản 1, Điều 2 được sửa đổi như sau:

“1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Chủ trì liên kết được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường”.

2. Khoản 5, Điều 5 được sửa đổi như sau:

“5. Ngành hàng, sản phẩm hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh là những sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa IX, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 03 tháng 5 năm 2020./.

CHỦ TỌA KỲ HỌP

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Huỳnh Quang Triệu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Số: 03/2020/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 23 tháng 4 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND
ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre
quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức
phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách
tỉnh Bến Tre giai đoạn 2018-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 1431/TTr-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Bến Tre giai đoạn 2018-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục quy định tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho các xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Bến Tre giai đoạn 2018-2020. *(Phụ lục kèm theo)*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa IX, kỳ họp thứ 15 (Kỳ họp bất thường) thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2020./.

CHỦ TỌA KỶ HỌP

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Huỳnh Quang Triệu

PHỤ LỤC
QUY ĐỊNH TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA
THEO TỶ LỆ (%) CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND
ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ngân sách xã, phường, thị trấn được hưởng
I	THÀNH PHỐ BẾN TRE	
1	Phường An Hội	22%
2	Phường 5	61%
3	Phường 6	76%
4	Phường 7	80%
5	Phường 8	90%
6	Phường Phú Khương	45%
7	Phường Phú Tân	60%
8	Xã Bình Phú	73%
9	Xã Mỹ Thạnh An	59%
10	Xã Phú Hưng	68%
11	Xã Sơn Đông	82%
12	Các xã, phường còn lại của Thành phố Bến Tre	100%
II	HUYỆN CHÂU THÀNH	
1	Tất cả các xã, thị trấn của huyện Châu Thành	100%
III	HUYỆN GIỒNG TRÔM	
1	Xã Mỹ Thạnh	80%
2	Thị trấn	84%
3	Các xã còn lại của huyện Giồng Trôm	100%
IV	HUYỆN MỎ CÀY NAM	
1	Thị trấn	90%
2	Các xã còn lại của huyện Mỏ Cày Nam	100%
V	HUYỆN MỎ CÀY BẮC	
1	Tất cả các xã, thị trấn của huyện Mỏ Cày Bắc	100%
VI	HUYỆN CHỢ LÁCH	
1	Tất cả các xã, thị trấn của huyện Chợ Lách	100%
VII	HUYỆN THẠNH PHÚ	
1	Tất cả các xã, thị trấn của huyện Thạnh Phú	100%
VIII	HUYỆN BA TRI	
1	Thị trấn	66%
2	Các xã còn lại của huyện Ba Tri	100%
IX	HUYỆN BÌNH ĐẠI	

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ngân sách xã, phường, thị trấn được hưởng
1	Thị trấn	65%
2	Xã Thới Thuận	0%
3	Các xã còn lại của huyện Bình Đại	100%

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 04/2020/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 23 tháng 4 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND
và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BCA ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Bộ Công an quy định việc điều động sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đảm nhiệm các chức danh Công an xã;

Xét Tờ trình số 1198/TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

1. Bổ sung Điều 9a như sau:

“Điều 9a. Điều khoản chuyển tiếp

Giải quyết một số tồn tại về chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ấp, khu phố theo Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định số lượng, các chức danh, chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre như sau:

1. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc hoặc tự nguyện), khi nghỉ việc được giải quyết theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

2. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND có khoảng thời gian công tác không tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện hoặc bảo hiểm xã hội bắt buộc (trước ngày 01 tháng 01 năm 2016), khi nghỉ việc được hưởng chế độ mỗi năm công tác bằng một tháng sinh hoạt phí hiện hưởng, gồm: Phụ cấp, trợ cấp và trợ cấp thêm do có bằng chuyên môn (nếu có) so với mức lương cơ sở tại thời điểm nghỉ việc.

3. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo Nghị quyết số 22/2010/NQ-HĐND được bố trí chức danh là cán bộ, công chức cấp xã (chưa được giải quyết chế độ trợ cấp một lần), khi nghỉ việc thì thời gian giữ nhiệm vụ không chuyên trách cấp xã (không tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện hoặc bắt buộc) sẽ được hưởng chế độ trợ cấp mỗi năm công tác bằng một tháng sinh hoạt phí hiện hưởng, gồm: Phụ cấp, trợ cấp và trợ cấp thêm do có bằng chuyên môn (nếu có) so với mức lương cơ sở tại thời điểm nghỉ việc.

4. Ấp, khu phố đội trưởng và Công an viên phụ trách ấp, khu phố không thuộc đối tượng người hoạt động không chuyên trách ấp, khu phố từ ngày 01 tháng 01 năm 2020, khi nghỉ việc được trợ cấp mỗi năm công tác bằng một tháng sinh hoạt phí hiện hưởng với mức lương cơ sở tại thời điểm nghỉ việc đối với khoảng thời gian công tác trước ngày 01 tháng 01 năm 2020.”

2. Bổ sung Điều 9b như sau:

“Điều 9b. Giải quyết khó khăn về công tác cán bộ

Đối với những đơn vị hành chính cấp xã mới sau khi nhập gộp khó khăn trong việc sắp xếp cán bộ, phải bố trí cán bộ đang giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã sang giữ nhiệm vụ cấp phó thì được bố trí số lượng cấp phó nhiều hơn quy định tương ứng tại Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh và trong thời gian 5 năm phải tiến hành sắp xếp, bố trí lại số lượng theo đúng quy định.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố đội dư do thực hiện nhập xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố và thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre do thực hiện nhập xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố; thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ; bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã.

2. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bến Tre do thực hiện nhập xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố; thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ; Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an cấp xã do bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã.”

2. Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 2 như sau:

“c) Kinh phí hỗ trợ đối với Trưởng Công an, Phó Trưởng Công an cấp xã do thực hiện việc bố trí Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã: Thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.”

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo và triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khoá IX, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 03 tháng 5 năm 2020./.

CHỦ TỌA KỲ HỌP

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Huỳnh Quang Triệu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2020/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 29 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức chi hỗ trợ cho cán bộ xã, phường, thị trấn theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1012/TTr-SLĐTBXH ngày 17 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về nội dung, điều kiện, mức chi hỗ trợ và thời gian hỗ trợ cho cán bộ xã, phường, thị trấn theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ xã, phường, thị trấn được phân công theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng.

b) Tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện chế độ hỗ trợ cho cán bộ xã, phường, thị trấn theo dõi, quản lý đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng.

Điều 2. Nội dung, điều kiện, mức chi hỗ trợ và thời gian hỗ trợ cho cán bộ xã, phường, thị trấn được phân công theo dõi, quản đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng**1. Nội dung chi hỗ trợ**

Chi hỗ trợ cho cán bộ xã, phường, thị trấn được phân công theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

2. Điều kiện hỗ trợ

Cán bộ được hưởng mức hỗ trợ là cán bộ xã, phường, thị trấn có tên trong quyết định phân công theo dõi, quản lý đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Đồng thời, một người cai nghiện tự nguyện chỉ phân công một cán bộ theo dõi quản lý.

3. Mức chi hỗ trợ

Hỗ trợ cho cán bộ xã, phường, thị trấn được phân công theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng là 300.000 đồng/người/tháng.

4. Thời gian hỗ trợ

Thời gian hỗ trợ đối với cán bộ xã, phường, thị trấn được phân công theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng được tính theo thời hạn cai nghiện ghi trên quyết định tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Hàng năm, cùng thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp nhu cầu, lập dự toán kinh phí hỗ trợ cho cán bộ xã, phường, thị trấn theo dõi, quản lý đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn các huyện, thành phố và gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2020./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Văn Trọng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2020/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 29 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức hoạt động của Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 06/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức hỗ trợ thường xuyên đối với Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 65/TTr-CAT ngày 23 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức hoạt động của Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre

1. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Về chế độ chính sách được hưởng

1. Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức hỗ trợ thường xuyên đối với Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Trong khi làm nhiệm vụ, Đội trưởng, Đội phó và đội viên Đội Dân phòng được hưởng thù lao tùy theo khả năng ngân sách của địa phương và sự đóng góp tự nguyện của nhân dân; nếu bị thương tật hoặc hy sinh thì được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật”.

2. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Nhiệm vụ của Đội Dân phòng

1. Tham gia học tập, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ và diễn tập theo các phương án phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Đề xuất ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định, nội quy về an toàn phòng cháy và chữa cháy; xây dựng phương án, chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

3. Phối hợp với Tổ Bảo vệ dân phố, Hội đồng bảo vệ an ninh, trật tự ấp tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; xây dựng phong trào quần chúng tham gia phòng cháy và chữa cháy; vận động nhân dân trong ấp chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo đảm an ninh, trật tự.

4. Kịp thời phối hợp, hỗ trợ Công an xã áp dụng các biện pháp phù hợp để bảo vệ hiện trường, cấp cứu người bị nạn, tài sản khi có cháy, sự cố, tai nạn, thiên tai, dịch bệnh xảy ra trên địa bàn và địa bàn khác khi có yêu cầu.

5. Hỗ trợ Công an xã trong tổ chức tuần tra, kiểm soát, nắm tình hình an ninh, trật tự trong ấp để kịp thời phát hiện, phản ánh, phối hợp ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật và phòng, chống các tai, tệ nạn xã hội”.

3. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Quyền hạn của Đội Dân phòng

1. Kiểm tra và phối hợp kiểm tra, đôn đốc nhân dân trong ấp chấp hành các quy định, nội quy về phòng, chống cháy, nổ; các quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự; phòng, chống tội phạm, tai, tệ nạn xã hội theo chỉ đạo của Công an xã.

2. Hỗ trợ Công an xã yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật về trụ sở Công an xã để giải quyết; thực hiện việc bắt giữ, tước vũ khí, hung khí và dẫn giải người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã theo quy định của pháp luật. Báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân xã xử lý các hành vi vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy.

3. Trong khi làm nhiệm vụ, lực lượng Dân phòng được trang bị và sử dụng công cụ thô sơ, trang phục, băng tên và các phương tiện phòng cháy, chữa cháy theo

quy định; được yêu cầu quần chúng nhân dân trong khu vực giúp đỡ về phương tiện và tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phòng chống thiên tai.

4. Ngoài quyền hạn được quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này; các thành viên trong Đội Dân phòng không được: Bắt người, đánh người, khám người, khám nhà, phương tiện, đồ vật trái với quy định của pháp luật; uống rượu, bia khi thi hành nhiệm vụ; phát ngôn hoặc có hành vi cư xử thiếu văn hóa với nhân dân; các hành vi khác mà pháp luật nghiêm cấm”.

4. Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Trách nhiệm quản lý

1. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước đối với Đội Dân phòng; hàng năm có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho các thành viên Đội Dân phòng, thời gian không quá 05 ngày; bố trí nơi làm việc phù hợp, đảm bảo phục vụ cho nhu cầu làm việc, công tác của Đội Dân phòng.

2. Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy phối hợp các đơn vị liên quan có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho Đội Dân phòng.

3. Công an xã có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập, kiện toàn Đội Dân phòng và trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Đội Dân phòng”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Đội Dân phòng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2020./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Văn Trọng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2020/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 06 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật
do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc cộng đồng;

Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng; mức đóng góp và chế độ miễn, giảm cho đối tượng tham gia cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chế độ hỗ trợ và mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1098/TTr-SLĐTBXH ngày 27 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với

người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội; chế độ đối với người sau cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre và Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2020 và thay thế Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2020 về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Văn Trọng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 23 tháng 4 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng
Công viên trung tâm thành phố Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Xét Tờ trình số 1192/TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin thông qua phương án thiết kế, phương thức đầu tư Dự án Công viên An Hội, thành phố Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng dự án công viên (tại trung tâm thành phố Bến Tre), gồm các nội dung chính như sau:

1. Tên gọi dự án: Công viên trung tâm thành phố Bến Tre.

2. Địa điểm: Khu đất có chức năng quy hoạch đất công viên thuộc địa bàn phường An Hội, thành phố Bến Tre; cụ thể: Tại khu đất Trụ sở Công an tỉnh cũ (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 9), khu đất Trường Phú Thọ cũ (thửa đất số 35, tờ bản đồ số 6) và một phần đoạn của tuyến đường 3 Tháng 2.

3. Quy mô dự án: 15.200m².

4. Mục tiêu dự án:

a) Tầng trên mặt đất: Xây dựng công viên, quảng trường công cộng, hiện đại, bao gồm: công viên quảng trường, sân khấu, thác nước, đài phun nước, tường tranh 3D, các mảng xanh, thảm cỏ phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân, thu hút khách tham quan du lịch, phục vụ lễ hội của tỉnh.

b) Tầng ngầm: Xây dựng Khu thương mại - dịch vụ - du lịch để kinh doanh trong thời gian 50 năm; quy mô 02 tầng, gồm các dịch vụ mua sắm, ẩm thực, du lịch, khách sạn, bãi xe; dự phòng bệnh viện dã chiến, phục vụ an ninh quốc phòng khi cần thiết.

5. Hình thức đầu tư:

Đầu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình ngầm. Trong phương án đầu giá phải thể hiện các điều kiện sau:

a) Tổ chức, cá nhân trúng đầu giá quyền sử dụng đất để xây dựng công trình ngầm: Thực hiện đầu tư công viên, quảng trường theo phương án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt với tổng mức đầu tư không dưới 80 tỷ đồng; thực hiện vận hành, duy tu, bảo dưỡng khu công viên, quảng trường trong 50 năm từ khi được giao quyền sử dụng đất để xây dựng công trình ngầm bằng kinh phí của nhà đầu tư. Bàn giao công trình (phần công viên, quảng trường) cho Nhà nước quản lý sau khi công trình nghiệm thu hoàn thành.

b) Tổ chức, cá nhân trúng đầu giá quyền sử dụng đất xây dựng công trình ngầm: Được phép xây dựng khu thương mại - dịch vụ - du lịch trong lòng đất để kinh doanh trong thời gian 50 năm kể từ ngày bàn giao đất. Quy mô công trình gồm 02 tầng ngầm, với các dịch vụ mua sắm, ẩm thực, du lịch, khách sạn, bãi xe.

Công trình ngầm này dự phòng bố trí bệnh viện dã chiến và phục vụ an ninh quốc phòng khi cần thiết.

c) Nguồn thu được từ đầu giá quyền sử dụng đất nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Thời gian triển khai dự án: Năm 2020-2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng theo các quy định của pháp luật và định kỳ báo cáo kết quả triển khai dự án với Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh lệ kỳ cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỌA KỲ HỌP

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Huỳnh Quang Triệu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 23 tháng 4 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Xét Tờ trình số 1947/TTr-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình thông qua danh mục hủy bỏ, điều chỉnh, bổ sung các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2020, gồm 08 dự án; trong đó, điều chỉnh 03 dự án với diện tích thu hồi bổ sung là 4,06 ha; bổ sung 04 dự án với diện tích thu hồi là 12,2 ha; hủy bỏ 01 dự án với diện tích là 39,21 ha. Tổng diện tích đất cần thu hồi là 16,26 ha (*Chi tiết Danh mục các dự án kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khoá IX, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre thông qua./.

CHỦ TỌA KỲ HỌP

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Huỳnh Quang Triệu

**DANH MỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE NĂM 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Tên công trình, dự án	Nhu cầu diện tích cần sử dụng (ha)	Diện tích điều chỉnh, bổ sung tăng (ha)	Diện tích hủy bỏ không thu hồi (ha)	Địa điểm thực hiện công trình, dự án (xã, phường, thị trấn)	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	TỔNG CỘNG	59,50	16,26	39,21					
I	THÀNH PHỐ BẾN TRE	5,10	2,92						
	<i>Dự án điều chỉnh</i>	<i>5,10</i>	<i>2,92</i>						
1	Công Bến Tre	5,10	2,92		Các xã: Nhon Thanh, Phú Hưng, thành phố Bến Tre	Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 9	Quyết định số 2353/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ	Nguồn vốn vay JICA	Chuyển tiếp từ năm 2017 sang; điều chỉnh tăng diện tích 2,92 ha từ 2,18 ha trong NQ số 56/ NQ-HĐND ngày 06/12/2019 thành 5,1 ha
II	HUYỆN CHÂU THÀNH	42,21	3,00	39,21					

Dự án hủy bỏ		39,21		39,21					
1	Cụm Công nghiệp Long Phước	39,21		39,21	Xã Giao Long, An Phước	Ban quản lý dự án Phát triển hạ tầng các Khu Công nghiệp tỉnh	Công văn số 6208/UBND-TCĐT ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bến Tre	Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện	Hủy bỏ do trùng với dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ mời gọi đầu tư cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2) trong NQ số 56/NQ-HĐND ngày 06/12/2019
Dự án bổ sung		3,00	3,00						
2	Công trình đầu tư Xây dựng bến phà tạm (hạng mục đường dẫn vào bến phà)	3,00	3,00		Xã Phú Túc	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành	Công văn số 1172/UBND-TCĐT ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh Bến Tre		
III	HUYỆN MỎ CÀY NAM	4,28	3,43						
Dự án điều chỉnh		1,28	0,43						
1	Công Cái Quao	1,28	0,43		Xã Bình Khánh	Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 9	Quyết định số 2353/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ	Nguồn vốn vay JICA	Chuyển tiếp từ năm 2018 sang; điều chỉnh tăng diện tích 0,43 ha từ 0,85 ha trong NQ số 56/ NQ-HĐND ngày 06/12/2019 thành 1,28 ha
Dự án bổ sung		3,00	3,00						

2	Tuyến đường dây đầu nối, ngăn lộ xuất tuyến Nhà máy điện gió Hải Phong - Các Cụm nhà máy điện gió Hải Phong I-V	3,00	3,00		Các xã: Hương Mỹ, Cẩm Sơn, Ngải Đăng, An Thới, An Thạnh, Đa Phước Hội, Tân Hội	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tân Hoàn Cầu	Các Quyết định chủ trương đầu tư: số 2787/QĐ-UBND, số 2788/QĐ-UBND, số 2789/QĐ-UBND, số 2790/QĐ-UBND, số 2791/QĐ-UBND, ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh Bến Tre	Nhà đầu tư	
IV	HUYỆN THẠNH PHÚ	6,00	6,00						
	<i>Dự án bổ sung</i>	<i>6,00</i>	<i>6,00</i>						
1	Trạm biến áp, nhà điều hành, tuyến đường dây đầu nối Nhà máy điện gió Hải Phong - Các Cụm nhà máy điện gió Hải Phong I-V	6,00	6,00		Các xã: Thạnh Hải, An Điền, An Nhơn, An Quy, An Thuận, Bình Thạnh, Hòa Lợi, Thới Thạnh, thị trấn Thạnh Phú	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tân Hoàn Cầu	Các Quyết định chủ trương đầu tư: số 2787/QĐ-UBND, số 2788/QĐ-UBND, số 2789/QĐ-UBND, số 2790/QĐ-UBND, số 2791/QĐ-UBND, ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh Bến Tre	Nhà đầu tư	
V	HUYỆN GIỒNG TRÔM	1,91	0,91						
	<i>Dự án điều chỉnh</i>	<i>1,71</i>	<i>0,71</i>						

1	Công Thủ Cửu	1,71	0,71		Xã Phước Long, xã Thạnh Phú Đông	Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 9	Quyết định số 2353/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ	Nguồn vốn vay JICA	Chuyển tiếp từ năm 2017 sang; điều chỉnh tăng diện tích 0,71 ha từ 1 ha trong NQ số 56/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 thành 1,71 ha
Dự án bổ sung		0,2	0,2						
2	Xây dựng đường tổ NDTQ số 6, ấp Thới An, xã Châu Hòa	0,2	0,2		Xã Châu Hòa	Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm	Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của UBND tỉnh Bến Tre	Ngân sách huyện	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 23 tháng 4 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 57/NQ-HĐND
ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh
về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa,
đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Xét Tờ trình số 1948/TTr-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình thông qua danh mục bổ sung các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2020 gồm 04 dự án, với diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất là 7,6 ha; trong đó, chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa là 6,6 ha, từ đất rừng là 01 ha (*Chi tiết Danh mục bổ sung các dự án kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khoá IX, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỌA KỲ HỌP

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Huỳnh Quang Triệu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE TRONG NĂM
2020**

*(Kèm theo Nghị quyết số 04 /NQ-HĐND ngày 23 tháng 4 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng			Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú; thời gian hoàn thành
		Tổng diện tích của công trình, dự án (ha)	Trong đó				
			Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG CỘNG	21,60	6,60	1,00			
I	HUYỆN BÌNH ĐẠI	9,60	0,30	1,00			
1	Trạm biến áp nâng 110kV; đường dây 110kV và đường dây 22kV đấu nối nhà máy điện gió VPL Bến Tre	9,60	0,30	1,00	Các xã: Thừa Đức, Thới Thuận	Công ty cổ phần năng lượng VPL	Tháng 04/2023; đất rừng chuyển mục đích sử dụng là đất rừng phòng hộ
II	HUYỆN THẠNH PHÚ	6,00	3,00				

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích sử dụng			Địa điểm thực hiện công trình, dự án	Chủ đầu tư	Ghi chú; thời gian hoàn thành
		Tổng diện tích của công trình, dự án (ha)	Trong đó				
			Diện tích đất lúa cần chuyển mục đích (ha)	Diện tích đất rừng cần chuyển mục đích (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Trạm biến áp, nhà điều hành, tuyến đường dây đấu nối Nhà máy điện gió Hải Phong - Các Cụm nhà máy điện gió Hải Phong I-V	6,00	3,00		Các xã: Thạnh Hải, An Điền, An Nhơn, An Quy, An Thuận, Bình Thạnh, Hòa Lợi, Thới Thạnh, thị trấn Thạnh Phú	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tân Hoàn Cầu	Tháng 04/2023
III	HUYỆN MỞ CÀY NAM	3,00	2,00				
1	Tuyến đường dây đấu nối, ngăn lộ xuất tuyến Nhà máy điện gió Hải Phong - Các Cụm nhà máy điện gió Hải Phong I-V	3,00	2,00		Các xã: Hương Mỹ, Cẩm Sơn, Ngãi Đăng, An Thới, An Thạnh, Đa Phước Hội, Tân Hội	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tân Hoàn Cầu	Tháng 04/2023
IV	HUYỆN CHÂU THÀNH	3,00	1,30				
1	Công trình đầu tư Xây dựng bến phà tạm (hạng mục đường dẫn vào bến phà)	3,00	1,30		Xã Phú Túc	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành	Tháng 04/2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 23 tháng 4 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Bảng giá các loại đất
trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020 - 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Xét Tờ trình số 1163/TTr-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020 – 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020 - 2024 kèm theo Tờ trình số 1163/TTr-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre, khóa IX, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc thông qua Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2020-2024./.

CHỦ TỌA KỶ HỌP

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Huỳnh Quang Triệu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Số: 06/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 23 tháng 4 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về phân bổ dự toán chi tiết vốn ngoài nước
do Trung ương bổ sung có mục tiêu (kinh phí sự nghiệp) năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Thực hiện Quyết định số 2503/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Thực hiện Công văn số 15348/BTC-QLN ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc tách số giao dự toán nguồn vốn vay và viện trợ kinh phí sự nghiệp tại Quyết định 2503/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019;

Xét Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin ban hành Nghị quyết phân bổ dự toán chi tiết vốn ngoài nước do Trung ương bổ sung có mục tiêu (kinh phí sự nghiệp) năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ chi tiết vốn ngoài nước do Trung ương bổ sung có mục tiêu (kinh phí sự nghiệp) năm 2020 với tổng dự toán là 8.700 triệu đồng (Tám tỷ bảy trăm triệu đồng). Bao gồm:

1. Vốn vay: 2.500 triệu đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) phân bổ cho dự án Hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp tỉnh Bến Tre (dự án LCASP), thực hiện ghi thu ghi chi trong phạm vi dự toán được giao.

2. Vốn viện trợ: 6.200 triệu đồng (Sáu tỷ hai trăm triệu đồng) phân bổ cho dự án Thích ứng biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại Bến Tre (dự án AMD Bến Tre), thực hiện ghi thu ghi chi trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của từng nội dung chi và theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỌA KỲ HỌP

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Huỳnh Quang Triệu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 23 tháng 4 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc xác nhận kết quả miễn nhiệm
Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, nhiệm kỳ 2016 -2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 1429/TTr-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc miễn nhiệm chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, nhiệm kỳ 2016-2021;

Căn cứ kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả miễn nhiệm chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các ông sau đây:

1. Ông Huỳnh Thanh Hiếu - nguyên Giám đốc Sở Nội vụ, lý do: Nghỉ công tác.
2. Ông Lê Ngọc Bữu - nguyên Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, lý do: Nghỉ công tác.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các sở, ngành có liên quan và các ông: Huỳnh Thanh Hiếu, Lê Ngọc Bữu căn cứ Nghị quyết thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa IX, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỌA KỲ HỌP

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Huỳnh Quang Triệu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Số: 08/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 23 tháng 4 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xác nhận kết quả bầu Ủy viên
Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỶ HỌP THỨ 15 (KỶ HỌP BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 1430/TTr-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giới thiệu nhân sự bầu bổ sung chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Căn cứ kết quả bầu Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, nhiệm kỳ 2016-2021 tại Biên bản bầu cử ngày 23 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả bầu chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với các ông, bà sau đây:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu - Giám đốc Sở Nội vụ.
2. Ông Trịnh Minh Châu - Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.
3. Bà La Thị Thúy - Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

(Có lý lịch trích ngang kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các sở, ngành có liên quan và các ông, bà: Nguyễn Thị Ngọc Giàu, Trịnh Minh Châu, La Thị Thúy căn cứ Nghị quyết thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa IX, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

CHỦ TỌA KỶ HỌP

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Huỳnh Quang Triệu**

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG
DANH SÁCH ỦY VIÊN ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
(Nhiệm kỳ 2016 - 2021)

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Ngày vào Đảng		Trình độ				Chức vụ hiện nay
				Dự bị	Chính thức	Giáo dục phổ thông	Lý luận chính trị	Chuyên môn	Quản lý Nhà nước	
1	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	08/4/1984	Xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre	26/3/2009	26/3/2010	12/12	Cao cấp	Thạc sĩ Quản lý Hành chính công	Chuyên viên chính	Giám đốc Sở Nội vụ
2	Trịnh Minh Châu	10/6/1964	Xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	26/3/1994	26/3/1995	12/12	Cao cấp	Kỹ sư Chăn nuôi (Liên xô cũ cấp); Cử nhân Anh văn	Chuyên viên cao cấp	Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông
3	La Thị Thúy	02/9/1975	Xã Phú Ngãi (nay là xã Phước Ngãi), huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	21/11/2002	21/11/2003	12/12	Cao cấp	Thạc sĩ Khoa học giáo dục chuyên ngành lý luận và phương pháp dạy học môn Toán	Chuyên viên chính	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

VĂN PHÒNG UBND TỈNH BẾN TRE XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 07, Cách mạng tháng Tám, Phường 3, thành phố Bến Tre;

Điện thoại liên hệ: 0275.3822115 - 3827529; Fax: 0275.3822134;

E-mail: congbaobentre@bentre.gov.vn;

Website: congbao.bentre.gov.vn